**TÌM HIỂU VỀ HTML\_5**

1. Trình chỉnh sửa HTML

## **Tìm hiểu HTML bằng Notepad hoặc TextEdit**

Các trang web có thể được tạo và sửa đổi bằng cách sử dụng các trình soạn thảo HTML chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, để học HTML, chúng tôi khuyên dùng một trình soạn thảo văn bản đơn giản như Notepad (PC) hoặc TextEdit (Mac).

Chúng tôi tin rằng sử dụng một trình soạn thảo văn bản đơn giản là một cách tốt để học HTML.

Thực hiện theo các bước bên dưới để tạo trang web đầu tiên của bạn bằng Notepad hoặc TextEdit.

## **Bước 1: Mở Notepad (PC)**

**Windows 8 trở lên:**

Mở **Màn hình Bắt đầu** (biểu tượng cửa sổ ở dưới cùng bên trái trên màn hình của bạn). Nhập **Sổ tay** .

**Windows 7 hoặc cũ hơn:**

Mở **Bắt đầu** > **Chương trình > Phụ kiện > Notepad**

## **Bước 1: Mở TextEdit (Mac)**

Mở **Finder > Ứng dụng > TextEdit**

Đồng thời thay đổi một số tùy chọn để ứng dụng lưu tệp chính xác. Trong **Tùy chọn> Định dạng>**chọn **"Văn bản thuần túy"**

Sau đó, bên dưới "Mở và lưu", chọn hộp có nội dung "Hiển thị tệp HTML dưới dạng mã HTML thay vì văn bản được định dạng".

**Sau đó mở một tài liệu mới để đặt mã.**

## **Bước 2: Viết một số HTML**

Viết hoặc sao chép mã HTML sau vào Notepad:

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<body>  
  
<h1>My First Heading</h1>  
  
<p>My first paragraph.</p>  
  
</body>  
</html>

## **Bước 3: Lưu trang HTML**

Lưu tệp trên máy tính của bạn. Chọn **Tệp > Lưu dưới dạng** trong menu Notepad.

Đặt tên tệp là **"index.htm"** và đặt mã hóa thành **UTF-8** (đây là mã hóa ưu tiên cho các tệp HTML).

**Mẹo:** Bạn có thể sử dụng .htm hoặc .html làm phần mở rộng tệp. Không có sự khác biệt; điều đó phụ thuộc vào bạn.

## **Bước 4: Xem trang HTML trong trình duyệt của bạn**

Mở tệp HTML đã lưu trong trình duyệt yêu thích của bạn (nhấp đúp vào tệp hoặc nhấp chuột phải - và chọn "Mở bằng").

Kết quả sẽ giống như thế này:

## **W3Schools Online Editor - "Hãy tự mình thử"**

Với trình chỉnh sửa trực tuyến miễn phí của chúng tôi, bạn có thể chỉnh sửa mã HTML và xem kết quả trong trình duyệt của mình.

Nó là công cụ hoàn hảo khi bạn muốn **kiểm tra** mã nhanh. Nó cũng có mã màu và khả năng lưu và chia sẻ mã với người khác:

### **Ví dụ**

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
<title>Page Title</title>  
</head>  
<body>  
  
<h1>This is a Heading</h1>  
<p>This is a paragraph.</p>  
  
</body>  
</html>

1. HTML cơ bản

Tất cả tài liệu HTML phải bắt đầu bằng khai báo loại tài liệu: <!DOCTYPE html>.

Bản thân tài liệu HTML bắt đầu bằng <html>và kết thúc bằng </html>.

Phần hiển thị của tài liệu HTML nằm giữa <body>và </body>.

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<body>  
  
<h1>My First Heading</h1>  
<p>My first paragraph.</p>  
  
</body>  
</html>

**Tiêu đề HTML**

Các tiêu đề HTML được xác định bằng các thẻ <h1>to <h6>.

<h1>xác định tiêu đề quan trọng nhất. <h6>xác định tiêu đề ít quan trọng nhất:

<h1>This is heading 1</h1>  
<h2>This is heading 2</h2>  
<h3>This is heading 3</h3>

## **Đoạn văn HTML**

Các đoạn HTML được xác định bằng <p>thẻ:

<p>This is a paragraph.</p>  
<p>This is another paragraph.</p>

## **Liên kết HTML**

Các liên kết HTML được xác định bằng <a>thẻ:

<a href="https://www.w3schools.com">This is a link</a>

## **Hình ảnh HTML**

Hình ảnh HTML được xác định bằng <img>thẻ.

Tệp nguồn ( src), văn bản thay thế ( alt), widthvà heightđược cung cấp dưới dạng thuộc tính:

<img src="w3schools.jpg" alt="W3Schools.com" width="104" height="142">

1. Phần tử HTML

Phần tử HTML là mọi thứ từ thẻ bắt đầu đến thẻ kết thúc:

< tagname > Nội dung ở đây... < /tagname >

Ví dụ về một số phần tử HTML:

<h1> Đầu tiên của tôi </h1> \_

< p > Đoạn đầu tiên của tôi. </p> \_ \_

Start tag Element content End tag

<h1> My First Heading </h1>

<p> My first paragraph. </p>

<br> none none

Lưu ý: Một số phần tử HTML không có nội dung (như phần tử <br>). Các phần tử này được gọi là các phần tử rỗng. Các phần tử trống không có thẻ kết thúc!

Các phần tử HTML lồng nhau

Các phần tử HTML có thể được lồng vào nhau (điều này có nghĩa là các phần tử có thể chứa các phần tử khác).

Tất cả các tài liệu HTML bao gồm các phần tử HTML lồng nhau.

Ví dụ sau chứa bốn thành phần HTML ( <html>, <body>, <h1> và <p>):

Ví dụ

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

<h1>My First Heading</h1>

<p>My first paragraph.</p>

</body>

</html>

Ví dụ giải thích

Phần tử này <html>là phần tử gốc và nó xác định toàn bộ tài liệu HTML.

Nó có thẻ bắt đầu <html>và thẻ kết thúc </html>.

Sau đó, bên trong <html>phần tử có một <body> phần tử:

<body>

<h1>My First Heading</h1>

<p>My first paragraph.</p>

</body>

Phần <body>tử xác định phần thân của tài liệu.

Nó có thẻ bắt đầu <body>và thẻ kết thúc </body>.

Sau đó, bên trong <body>phần tử có hai phần tử khác: <h1>và <p>:

<h1>My First Heading</h1>

<p>My first paragraph.</p>

Phần <h1>tử xác định tiêu đề.

Nó có thẻ bắt đầu <h1>và thẻ kết thúc </h1>:

<h1>My First Heading</h1>

Phần <p>tử xác định một đoạn văn.

Nó có thẻ bắt đầu <p>và thẻ kết thúc </p>:

<p>My first paragraph.</p>

Không bao giờ bỏ qua thẻ kết thúc

Một số thành phần HTML sẽ hiển thị chính xác, ngay cả khi bạn quên thẻ kết thúc:

Ví dụ

<html>

<body>

<p>This is a paragraph

<p>This is a paragraph

</body>

</html>

Tuy nhiên, đừng bao giờ dựa vào điều này! Kết quả không mong muốn và lỗi có thể xảy ra nếu bạn quên thẻ kết thúc!

Phần tử HTML trống

Các phần tử HTML không có nội dung được gọi là các phần tử rỗng.

Thẻ <br>xác định ngắt dòng và là phần tử trống không có thẻ đóng:

Ví dụ

<p>This is a <br> paragraph with a line break.</p>

HTML không phân biệt chữ hoa chữ thường

Các thẻ HTML không phân biệt chữ hoa chữ thường: <P>có nghĩa giống như <p>.

1. Thuộc tính HTML

Chẳng hạn như màu sắc, phông chữ, kích thước, v.v.

Ví dụ

<p style="color:red;">This is a red paragraph.</p>

Thuộc tính lang

Bạn phải luôn bao gồm lang thuộc tính bên trong <html>thẻ, để khai báo ngôn ngữ của trang Web. Điều này có nghĩa là để hỗ trợ các công cụ tìm kiếm và trình duyệt.

Ví dụ sau chỉ định tiếng Anh là ngôn ngữ:

<!DOCTYPE html>

<html lang="en">

<body>

...

</body>

</html>

Thuộc tính tiêu đề

Thuộc title tính xác định một số thông tin bổ sung về một phần tử.

Giá trị của thuộc tính tiêu đề sẽ được hiển thị dưới dạng chú giải công cụ khi bạn di chuột qua phần tử:

Ví dụ

<p title="I'm a tooltip">This is a paragraph.</p>

1. Tiêu đề HTML

Các tiêu đề HTML được xác định bằng các thẻ <h1>to <h6>.

<h1>xác định tiêu đề quan trọng nhất. <h6>xác định tiêu đề ít quan trọng nhất.

Ví dụ

<h1>Heading 1</h1>

<h2>Heading 2</h2>

<h3>Heading 3</h3>

<h4>Heading 4</h4>

<h5>Heading 5</h5>

<h6>Heading 6</h6>

Lưu ý: Trình duyệt tự động thêm một số khoảng trắng (lề) trước và sau tiêu đề.

Tiêu đề quan trọng

<h1>các tiêu đề nên được sử dụng cho các tiêu đề chính, tiếp theo là <h2>các tiêu đề, sau đó là tiêu đề ít quan trọng hơn <h3>, v.v.

Lưu ý: Chỉ sử dụng tiêu đề HTML cho tiêu đề. Không sử dụng tiêu đề để làm cho văn bản LỚN hoặc đậm .

Tiêu đề lớn hơn

Mỗi tiêu đề HTML có kích thước mặc định. Tuy nhiên, bạn có thể chỉ định kích thước cho bất kỳ tiêu đề nào có stylethuộc tính, sử dụng thuộc tính CSS font-size:

Ví dụ

<h1 style="font-size:60px;">Heading 1</h1>

1. Đoạn văn HTML

Trong đoạn văn HTML người ta chủ yếu dùng <p>…..</p> để viết đoạn văn, 1 đoạn văn có thể viết dài mà không cần xuống dòng khi đó CSS sẽ giúp căn chỉnh sao cho phù hợp.

1. Kiểu HTML

Màu nền

Thuộc tính CSS background-colorxác định màu nền cho phần tử HTML.

Ví dụ

Đặt màu nền cho trang thành màu xanh bột:

<body style="background-color:powderblue;">

<h1>This is a heading</h1>

<p>This is a paragraph.</p>

</body>

Ví dụ

Đặt màu nền cho hai phần tử khác nhau:

<body>

<h1 style="background-color:powderblue;">This is a heading</h1>

<p style="background-color:tomato;">This is a paragraph.</p>

</body>

Văn bản màu

Thuộc tính CSS colorxác định màu văn bản cho phần tử HTML:

Ví dụ

<h1 style="color:blue;">This is a heading</h1>

<p style="color:red;">This is a paragraph.</p>

Phông chữ

Thuộc tính CSS font-familyxác định phông chữ sẽ được sử dụng cho phần tử HTML:

Ví dụ

<h1 style="font-family:verdana;">This is a heading</h1>

<p style="font-family:courier;">This is a paragraph.</p>

Cỡ chữ

Thuộc tính CSS font-sizexác định kích thước văn bản cho một phần tử HTML:

Ví dụ

<h1 style="font-size:300%;">This is a heading</h1>

<p style="font-size:160%;">This is a paragraph.</p>

Căn chỉnh văn bản

Thuộc tính CSS text-alignxác định căn chỉnh văn bản theo chiều ngang cho phần tử HTML:

Ví dụ

<h1 style="text-align:center;">Centered Heading</h1>

<p style="text-align:center;">Centered paragraph.</p>

1. Định dạng HTML

Các phần tử định dạng HTML

Các phần tử định dạng được thiết kế để hiển thị các loại văn bản đặc biệt:

<b>- Chữ in đậm

<strong>- Văn bản quan trọng

<i>- Chữ nghiêng

<em>- Đoạn văn bản được nhấn mạnh

<mark>- Đánh dấu văn bản

<small>- Văn bản nhỏ hơn

<del>- Đã xóa văn bản

<ins>- Đã chèn văn bản

<sub>- Văn bản đăng ký

<sup>- Văn bản siêu ký tự

Các phần tử <b> và <strong> HTML

Phần tử HTML <b>xác định văn bản in đậm mà không cần thêm bất kỳ tầm quan trọng nào.

Ví dụ

<b>This text is bold</b>

Phần tử HTML <strong>xác định văn bản có tầm quan trọng lớn. Nội dung bên trong thường được in đậm.

Ví dụ

<strong>This text is important!</strong>

Các phần tử <i> và <em> HTML

Phần tử HTML <i>xác định một phần văn bản bằng giọng nói hoặc tâm trạng thay thế. Nội dung bên trong thường được in nghiêng.

Ví dụ

<i>This text is italic</i>

Phần tử HTML <em>xác định văn bản được nhấn mạnh. Nội dung bên trong thường được in nghiêng.

Mẹo: Trình đọc màn hình sẽ phát âm các từ trong <em> phần nhấn mạnh bằng cách sử dụng trọng âm của từ.

Ví dụ

<em>This text is emphasized</em>

Phần tử HTML <small>

Phần tử HTML <small>xác định văn bản nhỏ hơn:

Ví dụ

<small>This is some smaller text.</small>

Phần tử <mark> HTML

Phần tử HTML <mark>xác định văn bản sẽ được đánh dấu hoặc đánh dấu:

Ví dụ

<p>Do not forget to buy <mark>milk</mark> today.</p>

Phần tử <del> HTML

Phần tử HTML <del>xác định văn bản đã bị xóa khỏi tài liệu. Các trình duyệt thường sẽ gạch một dòng thông qua văn bản đã xóa:

Ví dụ

<p>My favorite color is <del>blue</del> red.</p>

Phần tử <ins> HTML

Phần tử HTML <ins>xác định một văn bản đã được chèn vào tài liệu. Các trình duyệt thường sẽ gạch dưới văn bản được chèn:

Ví dụ

<p>My favorite color is <del>blue</del> <ins>red</ins>.</p>

Phần tử HTML <sub>

Phần tử HTML <sub>xác định văn bản chỉ số dưới. Văn bản chỉ số dưới xuất hiện nửa ký tự bên dưới dòng bình thường và đôi khi được hiển thị bằng phông chữ nhỏ hơn. Văn bản chỉ số có thể được sử dụng cho các công thức hóa học, chẳng hạn như H 2 O:

Ví dụ

<p>This is <sub>subscripted</sub> text.</p>

Phần tử HTML <sup>xác định văn bản chỉ số trên. Văn bản chỉ số trên xuất hiện một nửa ký tự phía trên dòng bình thường và đôi khi được hiển thị bằng phông chữ nhỏ hơn. Văn bản chỉ số trên có thể được sử dụng cho chú thích cuối trang, như WWW [1] :

Ví dụ

<p>This is <sup>superscripted</sup> text.</p>

1. Liên kết HTML

Liên kết HTML - Siêu liên kết

Bạn có thể nhấp vào một liên kết và chuyển sang tài liệu khác.

Khi bạn di chuột qua một liên kết, mũi tên chuột sẽ biến thành một bàn tay nhỏ.

Lưu ý: Một liên kết không nhất thiết phải là văn bản. Một liên kết có thể là một hình ảnh hoặc bất kỳ phần tử HTML nào khác!

Liên kết HTML - Cú pháp

Thẻ HTML <a>xác định một siêu liên kết. Nó có cú pháp như sau:

<a href="url">link text</a>

Thuộc tính quan trọng nhất của <a> phần tử là hrefthuộc tính, cho biết đích của liên kết.

Văn bản liên kết là phần sẽ được hiển thị cho người đọc.

Nhấp vào văn bản liên kết, sẽ đưa người đọc đến địa chỉ URL được chỉ định.

Ví dụ

Ví dụ này cho thấy cách tạo liên kết đến W3Schools.com:

<a href="https://www.w3schools.com/">Visit W3Schools.com!</a>

1. Màu HTML

Màu nền

Bạn có thể đặt màu nền cho các phần tử HTML:

Ví dụ

<h1 style="background-color:DodgerBlue;">Hello World</h1>

<p style="background-color:Tomato;">Lorem ipsum...</p>

Văn bản màu

Bạn có thể đặt màu của văn bản:

Ví dụ

<h1 style="color:Tomato;">Hello World</h1>

<p style="color:DodgerBlue;">Lorem ipsum...</p>

<p style="color:MediumSeaGreen;">Ut wisi enim...</p>

Màu viền

Bạn có thể đặt màu của đường viền:

Ví dụ

<h1 style="border:2px solid Tomato;">Hello World</h1>

<h1 style="border:2px solid DodgerBlue;">Hello World</h1>

<h1 style="border:2px solid Violet;">Hello World</h1>

1. Nhận xét HTML

Thẻ bình luận HTML

Bạn có thể thêm nhận xét vào nguồn HTML của mình bằng cách sử dụng cú pháp sau:

<!-- Write your comments here -->

Lưu ý rằng có dấu chấm than (!) trong thẻ bắt đầu nhưng không có trong thẻ kết thúc.

Lưu ý: Nhận xét không được trình duyệt hiển thị, nhưng chúng có thể giúp ghi lại mã nguồn HTML của bạn.

Thêm Nhận xét

Với nhận xét, bạn có thể đặt thông báo và lời nhắc trong mã HTML của mình:aq

Ví dụ

<!-- This is a comment -->

<p>This is a paragraph.</p>

<!-- Remember to add more information here -->

1. Bảng HTML

Các bảng HTML cho phép các nhà phát triển web sắp xếp dữ liệu thành các hàng và cột.

Ví dụ

Một bảng HTML đơn giản:

<table>

<tr>

<th>Company</th>

<th>Contact</th>

<th>Country</th>

</tr>

<tr>

<td>Alfreds Futterkiste</td>

<td>Maria Anders</td>

<td>Germany</td>

</tr>

<tr>

<td>Centro comercial Moctezuma</td>

<td>Francisco Chang</td>

<td>Mexico</td>

</tr>

</table>

**ô bảng**

Mỗi ô của bảng được xác định bởi một <td>và một </td>thẻ.

td là viết tắt của dữ liệu bảng.

Mọi thứ ở giữa <td>và </td>là nội dung của ô trong bảng.

Ví dụ

<table>

<tr>

<td>Emil</td>

<td>Tobias</td>

<td>Linus</td>

</tr>

</table>

Lưu ý: Một ô của bảng có thể chứa tất cả các loại phần tử HTML: văn bản, hình ảnh, danh sách, liên kết, các bảng khác, v.v.

hàng bảng

Mỗi hàng của bảng bắt đầu bằng a <tr>và kết thúc bằng một </tr>thẻ.

tr là viết tắt của hàng bảng.

Ví dụ

<table>

<tr>

<td>Emil</td>

<td>Tobias</td>

<td>Linus</td>

</tr>

<tr>

<td>16</td>

<td>14</td>

<td>10</td>

</tr>

</table>

Bạn có thể có bao nhiêu hàng tùy thích trong một bảng; chỉ cần đảm bảo rằng số lượng ô giống nhau trong mỗi hàng.

Tiêu đề bảng

Đôi khi bạn muốn các ô của mình là các ô tiêu đề của bảng. Trong những trường hợp đó, hãy sử dụng <th>thẻ thay vì <td>thẻ:

th là viết tắt của tiêu đề bảng.

Ví dụ

Đặt hàng đầu tiên là các ô tiêu đề của bảng:

<table>

<tr>

<th>Person 1</th>

<th>Person 2</th>

<th>Person 3</th>

</tr>

<tr>

<td>Emil</td>

<td>Tobias</td>

<td>Linus</td>

</tr>

<tr>

<td>16</td>

<td>14</td>

<td>10</td>

</tr>

</table>

1. Biểu tượng yêu thích HTML

Tiếp theo, thêm một <link>phần tử vào tệp "index.html" của bạn, sau <title>phần tử, như sau:

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
  <title>My Page Title</title>  
  <link rel="icon" type="image/x-icon" href="/images/favicon.ico">  
</head>  
<body>  
  
<h1>This is a Heading</h1>  
<p>This is a paragraph.</p>  
  
</body>  
</html>

1. Báo giá HTML

Phần tử HTML <blockquote>xác định một phần được trích dẫn từ một nguồn khác.

Các trình duyệt thường thụt lề <blockquote>các phần tử.

Ví dụ

<p>Here is a quote from WWF's website:</p>

<blockquote cite="http://www.worldwildlife.org/who/index.html">

For 60 years, WWF has worked to help people and nature thrive. As the world's leading conservation organization, WWF works in nearly 100 countries. At every level, we collaborate with people around the world to develop and deliver innovative solutions that protect communities, wildlife, and the places in which they live.

</blockquote>

HTML <q> cho trích dẫn ngắn

Thẻ HTML <q>xác định một trích dẫn ngắn.

Trình duyệt thường chèn dấu ngoặc kép xung quanh trích dẫn.

Ví dụ

<p>WWF's goal is to: <q>Build a future where people live in harmony with nature.</q></p>

HTML <abbr> cho từ viết tắt

Thẻ HTML <abbr>xác định từ viết tắt hoặc từ viết tắt, như "HTML", "CSS", "Mr.", "Dr.", "ASAP", "ATM".

Đánh dấu từ viết tắt có thể cung cấp thông tin hữu ích cho trình duyệt, hệ thống dịch thuật và công cụ tìm kiếm.

Ví dụ

<p>The <abbr title="World Health Organization">WHO</abbr> was founded in 1948.</p>

HTML <địa chỉ> cho thông tin liên hệ

Thẻ HTML <address>xác định thông tin liên hệ của tác giả/chủ sở hữu tài liệu hoặc bài viết.

Văn bản trong <address>phần tử thường hiển thị ở dạng nghiêng và trình duyệt sẽ luôn thêm dấu ngắt dòng trước và sau <address>phần tử.

Ví dụ

<address>

Written by John Doe.<br>

Visit us at:<br>

Example.com<br>

Box 564, Disneyland<br>

USA

</address>

HTML <cite> cho Tiêu đề Công việc

Thẻ HTML <cite>xác định tiêu đề của một tác phẩm sáng tạo (ví dụ: một cuốn sách, một bài thơ, một bài hát, một bộ phim, một bức tranh, một tác phẩm điêu khắc, v.v.).

Văn bản trong <cite>phần tử thường hiển thị ở dạng in nghiêng .

Ví dụ

<p><cite>The Scream</cite> by Edvard Munch. Painted in 1893.</p>

HTML <bdo> dành cho ghi đè hai chiều

BDO là viết tắt của Ghi đè hai hướng.

Thẻ HTML <bdo>được sử dụng để ghi đè hướng văn bản hiện tại:

Ví dụ

<bdo dir="rtl">This text will be written from right to left</bdo>